

CÔNG TY CỔ PHẦN HMT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HMT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HMT VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HMT-VN .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107960644

3. Ngày thành lập: 14/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17 Yết Kiêu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
2.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
3.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
4.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
6.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
7.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
8.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	2599
12.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
13.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
14.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
15.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
16.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
17.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
18.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
19.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632

20.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
23.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
24.	Xây dựng công trình công ích	4220
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
26.	Điều hành tua du lịch	7912
27.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
28.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
29.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
30.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
31.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
32.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
33.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
35.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo dạy nghề;	8532
36.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
37.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
40.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
41.	Quảng cáo	7310
42.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9329
43.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
44.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
45.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
46.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
47.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
48.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
49.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
50.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
51.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
52.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
53.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

54.	Bán mô tô, xe máy	4541
55.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
56.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
58.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
59.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
60.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
61.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
62.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
63.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
64.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
65.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
68.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
69.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
70.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
71.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	4659

74.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
75.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
76.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
77.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
81.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
82.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
83.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản;	6820
84.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
85.	Phá dỡ	4311
86.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
87.	Sản xuất giày dép	1520
88.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
89.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
90.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
91.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
92.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

93.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
94.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
95.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
96.	Xây dựng nhà các loại	4100
97.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
98.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
99.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
100.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6329
101.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
103.	Bán buôn thực phẩm	4632
104.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
105.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
106.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
107.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
108.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
109.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
110.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
111.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
112.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
113.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
114.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
115.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
116.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
117.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
118.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
119.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;	5221
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

122.	Bốc xếp hàng hóa	5224
123.	Lập trình máy vi tính	6201
124.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
125.	Cho thuê xe có động cơ	7710
126.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
127.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
128.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
129.	Bán buôn gạo	4631
130.	Đại lý du lịch	7911
131.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
132.	Bán buôn đồ uống	4633

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM CHUNG THỦY	Lô 38, tổ 40, TT Viện Tim mạch, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	012340536	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	TRỊNH ĐỨC MINH	Số nhà 36, tổ 44, làng Đại Yên, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45,000	011952530	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45,000		
3	MAI THỊ TUỆ	Thôn Xuân Dục, Xã Xuân Ninh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	163045601	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		

4	NGUYỄN THÀNH CUNG	Thôn Hệ, Xã Thụy Ninh, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	0340840046 29	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM CHUNG THUY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012340536

Ngày cấp: 17/04/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Lô 38, tổ 40, TT Viện Tim mạch, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Lô 38, tổ 40, TT Viện Tim mạch, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội